TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 502/2026/DS-ST
Ngày: 03/9/2026
V/v: "Tranh chấp hợp vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

Bà Phạm Thị Nguyệt Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Phùng Mai Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 908/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 686/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 3080/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967.**

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, phường H, thành phố Đ (cũ tổ A, ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai).

***- Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1985.**

Địa chỉ: Tổ C, phố H (nay là phố C), phường L, thành phố Đ (cũ là 36, phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

g T có mặt, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:

Ngày 20/06/2024, tại Văn phòng C, phường H, TP ., Đồng Nai (Nay là phường L, thành phố Đ), ông có ký hợp đồng với ông Nguyễn Hữu Đ cho vay số

tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn 12 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không được cao hơn lãi suất theo quy định. Ông Đ cam kết sẽ trả góp mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết tiền. Sau khi ký hợp đồng, ông T đã giao cho ông Đ số tiền nêu trên tại nhà ông T, nhưng không làm giấy giao tiền, do đã ký hợp đồng. Sau khi vay tiền, ông Đ chỉ trả tiền gốc được 2 lần vào ngày 20/01/2025 là 5.000.000 đồng (kèm theo xác nhận đã nhận tiền) và ngày 25/06/2025 chuyển khoản cho vợ ông là bà Nguyễn Thị Đoan T1 vào tài khoản số 161704070008055, hàng là 4.000.000 đồng (kèm giấy chuyển khoản tiền). Tổng cộng đã trả tiền gốc là 9.000.000 đồng (kèm theo xác nhận đã nhận tiền), còn lại nợ gốc là 91.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Ông Đ đã nhiều lần khất nợ và hứa hẹn trả nợ, nhưng ông không thực hiện như đã cam kết. Ngày 20/06/2025 là thời điểm đến hạn trả nợ, nhưng ông Đ không thanh toán số tiền vay nêu trên. Ông đã thúc giục ông Đ nhiều lần, nhưng ông Đ chỉ hứa hẹn, nhưng không trả tiền. Nhận thấy ông Đ đã vi phạm cam kết, không trả tiền, nên ông tiến hành khởi kiện ông Đ yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Hữu Đ thanh toán cho ông Nguyễn Đình T số tiền nợ gốc là 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 20/6/2025 đến ngày 03/9/2026 (01 năm 2 tháng 14 ngày với mức lãi suất năm (0.75%/tháng), cụ thể: 91.000.000 đồng x 9%/năm x 01 năm 2 tháng 14 ngày = 9.873.500 đồng và tiếp tục thanh toán lãi đến khi thanh toán xong nợ.

2. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ nhưng ông Đ không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Đ về việc giải quyết vụ án.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T, buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ phải trả cho ông T số tiền nợ gốc 91.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/6/2025 đến ngày 03/9/2026với mức lãi suất 9%/năm (0.75%/tháng) và tiếp tục thanh toán lãi đến khi thanh toán xong nợ.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Nguyễn Đình T phải chịu theo quy định pháp luật.

Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự:

Ông Nguyễn Đình T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu Đ phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng vay tiền ngày 20/6/2024. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sựxác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sựxác định ông Nguyễn Đình T là nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu Đ là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ cư trú tại Tổ C, khu phố H (nay là khu phố C), phường L, thành phố Đ (cũ là tổ C, khu phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sựxác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng khác: Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sựtiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Đình T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ phải trả cho ông T2 tiền gốc là 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính hợp đồng vay tiền ngày 20/6/2024 công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 006540.

Xét thấy, ông Nguyễn Hữu Đ có quan hệ vay mượn tiền với ông Nguyễn Đình T. Theo hợp đồng vay tiền ngày 20/6/2024, ông Đ vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), tại giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của ông T và ông Đ, được công chứng viên xác nhận. Sau khi vay, ông T đã yêu cầu ông Đ thanh toán tiền nhưng ông Đ chỉ thanh toán được số tiền 9.000.000 đồng nợ gốc, còn lại cho đến nay ông Đ vẫn không thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nhiều lần niêm yết triệu tập ông Đ đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt

không có lý do, không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tiền ngày 20/6/2024 được ký kết giữa ông T và ông Đ trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ các Điều 117, 119, 401 và 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng có hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Thực hiện hợp đồng, ông T đã giao cho ông Đ số tiền 100.000.000 đồng, ông Đ đã trả được 9.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng). Như vậy, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ông T. Do đó, căn cứ Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc còn lại là 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng).

[2.3] Về tiền lãi: Theo hợp đồng vay tiền ngày 20/6/2024, lãi suất do hai bên thỏa thuận và theo ông T trình bày các bên thoả thuận lãi suất là 9%/năm 0.75%/tháng). Tại phiên tòa, ông T xác định yêu cầu ông Đ trả tiền lãi từ ngày 20/6/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 03/9/2026 theo mức lãi suất năm (0.75%/tháng) với số tiền là phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 468Bộ luật Dân sự 2015nên Hội đồng xét xử chấp nhận.Do đó, buộc ông Đ thanh toán số tiền lãi cho ông T: 91.000.000 đồng x 9%/năm (0.75%/tháng) x 01 năm 12 tháng 14 ngày = 9.873.500 đồng.

Tổng cộng, số tiền ông Đ phải thanh toán cho ông T là 100.873.500 đồng (Một trăm triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

[3] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tiền chi phí đăng phương tiện thông tin đại chúng. (Đã nộp xong)

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.043.675 đồng. Hoàn trả cho ông T số tiền 2.957.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012830 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ về việc "Tranh chấp hợp vay tài sản".

Ông Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Đình T tổng số tiền tính đến ngày 03/9/2026 là 100.873.500 đồng (Một trăm triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 91.000.000 đồng, nợ lãi là: 9.873.500 đồng.

Kể từ ngày 04/9/2026, ông Nguyễn Hữu Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Nguyễn Đình T phải chịu 12.000.000 đồng (Đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.043.675 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đình T số tiền 2.957.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012830 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 của Luật thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP. Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- THADS TP. Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Trí